

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 113/2024/DS-GĐT

Ngày: 08/5/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền huê.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu.

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Cường.

Ông Hoàng Thanh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Luyến- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền huê*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số B N, khu phố C, thị trấn L, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A T, khu phố A, thị trấn L, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Duy T1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số B N, khu phố C, thị trấn L, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

3.2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A T, khu phố A, thị trấn L, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà Nguyễn Thị Mỹ T có vay của bà 02 lần tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 26/11/2019 (âl), bà T vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn vay. Bà T có viết giấy mượn tiền ghi ngày 26/11/2019 (âl). Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T có trả lãi cho bà đến tháng 4/2020 (âl) thì ngưng.

Lần thứ hai: Vào ngày 01/02/2020 (âl), bà T tiếp tục vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, không có thời hạn vay. Bà T có viết giấy mượn tiền ghi ngày 01/02/2020 (âl). Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T có trả lãi cho bà đến tháng 4/2020 (âl).

Việc vay tiền này chỉ có bà T vay chứ không có ông Trần Văn T2 là chồng bà T tham gia.

Cũng trong thời gian này, bà T có tham gia chơi 02 phần huê do bà làm thủ huê, cụ thể:

Phần huê thứ nhất: Huê mở vào ngày 08/01/2020 - ngày mãn huê 08/12/2020 (âl), huê 5.000.000 đồng/tháng, gồm 12 phần huê.

Phần huê thứ hai: Huê mở vào ngày 15/01/2020 - ngày mãn huê 15/12/2020 (âl), huê 5.000.000 đồng/tháng, gồm 12 phần huê.

Đến tháng 06/2020 (âl), bà T xin bà cho hốt 02 đầu huê trên với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Bà tính trừ 02 tháng tiền lãi tháng 5, tháng 6/2020 (âl) trên tổng số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, là 10.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng. Bà có viết giấy đưa cho bà T giữ, có nội dung hốt huê lần 6, giấy mà bà T cung cấp chứng cứ cho Tòa án là do bà viết, còn lại 90.000.000 đồng, tại đây (nhà bà T) bà đã chồng đủ tiền cho bà T nhận, bà T không thắc mắc gì, coi như bà đã chồng đủ tiền huê cho bà T.

Tháng 7 bà T đã đóng huê chết cho bà, 2 đầu là 10.000.000 đồng (mỗi đầu 5.000.000 đồng).

Tháng 8, 9, 10/2020 bà T không có tiền đóng huê, nên bà phải vay mượn ở ngoài lãi 6% để đóng huê cho T.

Tháng 11/2020, bà T đã đóng huê chết cho bà, 2 đầu là 10.000.000 đồng (mỗi đầu 5.000.000 đồng).

Tháng cuối 12/2020 bà T cũng không có tiền đóng huê chết cho bà, nên bà phải gồng huê chết cho bà T.

Như vậy, tổng số tiền huê chết bà phải gồng đóng huê cho bà T 4 kỳ là 40.000.000 đồng, chưa tính lãi bà phải vay bạc 6% ở ngoài cho bà T.

Bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Văn T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà tổng số tiền nợ gốc vay là 150.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử (tháng 10/2022 âl).

Đối với số tiền bà gồng huê chết cho bà T 40.000.000 đồng, do không có chứng cứ, nên bà không yêu cầu bà T phải hoàn lại cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Bà có vay tiền của bà Trần Thị Thu H 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 26/11/2019 (âl), bà vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, không có thời hạn khi nào trả dứt nợ thì thôi.

Lần thứ hai: Vào ngày 01/2/2020 (âl), bà tiếp tục vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, không có thời hạn khi nào trả dứt nợ thì thôi.

Cả 02 khoản nợ vay này bà đã trả lãi cho bà H đến tháng 4 năm 2020 (âl).

Cũng trong thời gian này, bà H làm thủ huê, bà có tham gia chơi 02 phần huê, cụ thể:

Phần huê thứ nhất: Huê mở vào ngày 08/01/2020 - ngày mãn huê 08/12/2020 (âl), huê 5.000.000 đồng/tháng gồm 12 phần huê.

Phần huê thứ hai: Huê mở vào ngày 15/01/2020 - ngày mãn huê 15/12/2020 (âl), huê 5.000.000 đồng/tháng gồm 12 phần huê.

Đến tháng 06/2020 (âl) bà hót 02 đầu huê trên với số tiền 100.000.000 đồng. Bà Hà trừ 02 tháng tiền lãi (tháng 5, tháng 6/2020 (âl)) trên tổng số tiền vay nói trên 150.000.000 đồng. Bà H có viết giấy cho bà, còn lại 90.000.000 đồng. Do bà còn thiếu bà H số tiền 150.000.000 đồng như đã trình bày ở trên, nên bà H cần trừ số tiền hót huê 90.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ của bà H 60.000.000 đồng, chứ bà H không có giao tiền hót huê còn lại cho bà.

Sau khi hót huê bà đã đóng đầy đủ huê chết cho bà H đến khi mãn huê, việc đóng huê này theo thông thường thì không có giấy giao nhận tiền đóng huê.

Việc vay tiền này chỉ có bà vay chứ không có ông T2 chồng bà tham gia và bà sử dụng tiền vào mục đích chăm lo cuộc sống trong gia đình.

Nay bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ vay của bà H là số tiền 150.000.000 đồng, thì bà khởi kiện yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền hót huê còn lại là 90.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử (tháng 10/2022 âl).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Thuận quyết định:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Võ Duy T1 toàn bộ số nợ vay cả gốc và lãi là 206.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ T, về việc “Tranh chấp nợ huê” đối với bà Trần Thị Thu H.

Vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Võ Duy T1 có nghĩa vụ liên đới cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Văn T2 toàn bộ số nợ huê cả gốc và lãi là 111.000.000 đồng.

Theo đó để bù trừ nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Võ Duy T1 toàn bộ số nợ là 95.000.000 đồng (206.000.000 đồng -111.000.000 đồng).

Kể từ ngày bà vợ chồng bà H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà T phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2022, bà Trần Thị Thu H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T1 theo hướng bác yêu cầu của phần tố của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2023/DS-PT ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T1.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Trần Văn T2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Võ Duy T1 số tiền nợ là 206.444.400 đồng (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2022 là 56.444.400 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Trần Văn T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận tòa bộ yêu cầu phần tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc buộc bà Trần Thị Thu H phải trả số tiền hốt huê là 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 09/5/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Văn T2 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 72/QĐ-VKS-DS ngày 01/3/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Thu H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mỹ T về số tiền huê; bà H không kháng cáo về số tiền vay 150.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi của số tiền vay không chính xác và đã sửa Bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng bà T liên đới trả cho vợ chồng bà H số tiền nợ 206.444.400 đồng, trong đó có 56.444.400 đồng tiền lãi là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm, vi phạm Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

2.1. Tại Giấy ghi ngày 26/11/2019, có nội dung: “em Nguyễn Thị Mỹ T có mượn của chị H 100.000.000 đồng”; Tại Giấy ghi ngày 1-2 al 2020, có nội dung” “em Nguyễn Thị Mỹ T có mượn của chị H 50 triệu (năm mươi triệu đồng chẵn)”. Bà T thừa nhận có mượn của bà H số tiền 150.000.000 đồng như hai giấy mượn tiền trên.

2.2. Bà T cho rằng, bà có tham gia 02 phần huê do bà H làm chủ huê. Phần huê thứ nhất mở vào ngày 08/01/2020, ngày mãn huê 08/12/2020 al, huê 5.000.000 đồng/tháng gồm 12 phần huê. Phần huê thứ hai mở vào ngày 15/01/2020, ngày mãn huê 15/12/2020 al, huê 5.000.000 đồng/tháng gồm 12 phần huê. Đến tháng 06/2020 (al), bà T hót 02 đầu huê này với số tiền 100.000.000 đồng. Bà Hà trừ 02 tháng tiền lãi (tháng 05, 06 (al) trên tổng số tiền vay 150.000.000 đồng. Bà H viết giấy cho bà T giữ, còn lại 90.000.000 đồng (tiền hót huê). Bà T xác định, bà H chưa giao số tiền 90.000.000 đồng vì bà H giữ lại để cản trở vào số nợ 150.000.000 đồng.

2.3. Bà H cho rằng, bà có viết giấy cho bà T, nội dung hót huê lần 6, còn lại 90.000.000 đồng và bà đã giao 90.000.000 đồng tiền huê cho bà T tại nhà của bà T nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

2.4. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Nếu bà H giao số tiền 90.000.000 đồng cho bà T thì bà H phải thu hồi giấy mà bà T giữ hoặc bà T ký nhận đã nhận đủ 90.000.000 đồng của bà H. Do bà H không chứng minh được đã giao 90.000.000 đồng tiền huê cho bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T, buộc vợ chồng bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà T số tiền nợ huê và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

2.5. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: Thông thường ai hốt huê thì bà H điều ghi giấy để xác nhận số tiền còn lại mà chủ huê (bà H) phải thanh toán và giao tiền hốt huê cùng giấy xác nhận. Bà T sau khi hốt huê thì đóng huê chết cho bà H đầy đủ, nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn phản tố của bà T. Nhận định này của Tòa án cấp phúc thẩm là không đảm bảo tính khách quan, toàn diện về đánh giá chứng cứ, không phù hợp với diễn biến và bản chất vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Do đó, Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 72/QĐ-VKS-DS ngày 01/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Thuận giữ nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H với bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện T1, tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: Phòng GDKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

**TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Châu